TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 30-6-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Vũ Quang Chung.

Các Hội thẩm nhân dân: - ông Nguyễn Văn Phiếu.

- ông Lương Mạnh Tường.

- *Thư ký phiên toà:* bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa*: bà Đinh Thị Ngần - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/Q□XXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn**: anh Lê Văn L, sinh năm 1977.

Đơn vị công tác: Đại đội 29, phòng kỹ thuật, sư đoàn 350, Quân khu 3. Địa chỉ: xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

***Bị đơn**: Chị Trần Thị P, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

(Tại phiên tòa chị P, anh L có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 02 năm 2023, các bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị P có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình ngày 13/6/2013, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh, chị sinh sống tại nhà riêng của chị P tại thôn T, xã

Đ, huyện Nh, tỉnh Ninh Bình. Từ khi kết hôn cuộc sống vợ chồng anh, chị chỉ hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng anh là do trước khi kết hôn, anh chị tìm hiểu nhau không kỹ nên sau khi kết hôn vợ chồng bất đồng quan điểm không thể hòa hợp với nhau về mọi vấn đề. Đến tháng 01/2023, do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân, không ai quan tâm tới ai. Hiện anh đã chuyển đến ở tại đơn vị Đại đội 29, phòng kỹ thuật, sư đoàn 350, Quân khu 3. Địa chỉ: xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Nay anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự sâu sắc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị P.

Về con chung: Anh L xác định anh và chị Trần Thị P có 01 con chung là cháu Lê Quang H, sinh ngày 11/7/2013. Hiện cháu H đang ở với chị P. Nếu ly hôn anh L có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Quang H cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành và tự lập được.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L không yêu cầu chị Phương phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh L.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn chị Trần Thị P thể hiện tại bản tự khai ngày 13/3/2023, biên bản hòa giải và tại phiên tòa:

Về quan hệ hôn nhân: Chị P xác định quá trình tìm hiểu, thời điểm đăng ký kết hôn, địa điểm chung sống của vợ chồng cũng như diễn biến quan hệ hôn nhân gia đình đúng như anh L đã trình bầy ở trên. Tuy nhiên, ngoài việc vợ chồng thường xuyên cãi vã thì anh L còn nhiều lần đánh chị vô cớ. Do vậy, nay anh L làm đơn xin ly hôn chị, chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã sâu sắc, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nữa. Chị cũng nhất trí ly hôn. Đề nghị Tòa án công nhận cho anh chị được thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị P xác định chị và anh L có 01 con chung là cháu Lê Quang H, sinh ngày 11/7/2013. Hiện cháu Quang H đang ở với chị P. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành và tự lập được.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị P.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Anh L, chị P vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

* Về thủ tục tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện và chấp hành quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5; Điều 147; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn L. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê Văn L và chị Trần Thị P.

- Về con chung: Giao cháu Lê Quang H, sinh ngày 11/7/2013 cho chị Trần Thị P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh L không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Lê Văn L phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân gia đình, loại việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã Đồng Phong, huyện N, tỉnh Ninh Bình, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. **Về nội dung:**

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn L, chị Trần Thị P tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình ngày 13/6/2013, đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, hai bên chỉ chung sống hạnh phúc được với nhau thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trước khi kết hôn anh, chị tìm hiểu không kỹ nên khi về chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, không thể hòa hợp với nhau về mọi vấn đề. Từ tháng 01/2023, anh L, chị P đã sống ly thân không ai quan tâm tới ai nữa. Cả anh L, chị P đều thừa nhận tình cảm giữa hai người không còn, không thể tiếp tục cùng nhau chung sống. Xét, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh L là có

căn cứ theo quy định tại khoản 1 các Điều 19 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Anh Lê Văn L và chị Trần Thị P có 01 con chung là cháu Lê Quang H, sinh ngày 11/7/2013. Hiện cháu H đang ở với chị P. Anh L, chị P sau khi ly hôn đều có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H. Tại Bản tự khai ngày 13/3/2023, cháu H có nguyện vọng được ở với bố đến ngày 10/5/2023, cháu H thay đổi lời khai muốn được ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy: Về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng thì anh L, chị P đều khỏe mạnh, có công việc và thu nhập ổn định. Quá trình chung sống chị P, anh L đều có trách nhiệm với con, không ai vi phạm nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Tuy nhiên, anh L là bộ đội, với đặc thù công việc phải đi trực, hiện nay anh L chưa có nhà riêng, anh đang ở tại đơn vị, trong khi chị P có nhà đất ở xã Đ, nhà gần các trường nơi cháu H học, việc này cũng được anh L thừa nhận. Từ sự phân tích trên, để đảm bảo quyền lợi và sự ổn định phát triển của cháu H. Xét thấy cần giao cháu Lê Quang H cho chị Trần Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là có căn cứ theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không có yêu cầu. Vì vậy, không đặt ra việc giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh L phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn L.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ly hôn giữa anh Lê Văn L và chị Trần Thị P.

2. *Về con chung*: Giao cháu Lê Quang H, sinh ngày 11/7/2013, cho chị Trần Thị P tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được cuộc sống.

Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị P.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng

việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết có quyền thay đổi việc nuôi con.

3. *Về tài sản - công nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Anh Lê Văn L phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003807 ngày 23/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: Anh Lê Văn L, chị Trần Thị P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình.
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

VŨ QUANG CHUNG